

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 01/ 2022/DS-ST

Ngày: 18/01/2022

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Cường
2. Bà Nguyễn Thị Mùa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Đào— Thư ký Tòa án.

Ngày 18 tháng 01 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 39/2021/TLST –DS ngày 06 tháng 5 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2021/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Lý Thị X, sinh năm 1946 (có mặt)

* *Bị đơn:* Ông Nguyễn Đức K, sinh năm 1958 và bà Lương Thị T, sinh năm 1964 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn bà Lý Thị X trình bày như sau:

Vào ngày 01/3/2021 vợ chồng ông Nguyễn Đức K, bà Lương Thị T có vay của bà X số tiền 50.000.000 đồng, khi vay có lập hợp đồng vay tiền tại văn phòng công chứng Nguyễn Hợp, thời gian vay là 01 tháng tính từ ngày công chứng, không thỏa thuận lãi suất. Tuy nhiên, đến hạn trả nợ bà T, ông K đã không trả tiền cho bà X, bà X đã nhiều lần yêu cầu bà T, ông K trả tiền nhưng vẫn không trả.

Nay bà X làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lương Thị T, ông Nguyễn Đức K có nghĩa vụ trả cho bà X số tiền vay gốc là 50.000.000 đồng, không yêu cầu lãi suất.

2. Bị đơn bà Lương Thị T trình bày tại bản tự khai ngày 22 tháng 6 năm 2021:

Vào khoảng tháng 02 năm 2021 bà T có thỏa thuận với bà X mua một diện tích đất khoảng 90m² tại thôn A, xã Đ, huyện B với số tiền 880.000.000 đồng, bà T đã đưa trước cho bà X 830.000.000 đồng, còn lại 50.000.000 đồng thỏa thuận với bà X là khi nào làm sổ xong thì trả, vợ chồng tôi với bà X có lập hợp đồng vay tiền với bà X tại phòng công chứng Nguyễn Hợp ngày 01/3/2021. Sau đó, do con bà X nợ tiền của bà P nên bà P làm đơn ngăn chặn nên không làm được sổ, tôi có thỏa thuận với bà P là tôi trả tiền cho bà P để bà P rút đơn về cho tôi làm sổ.

Nay bà X khởi kiện yêu cầu tôi trả nợ số tiền 50.000.000đ thì tôi không đồng ý.

3. Bị đơn ông Nguyễn Đức K:

Trong quá trình thụ lý, thu thập chứng cứ để giải quyết vụ án, ông Nguyễn Đức K đều vắng mặt và không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền và thủ tục tố tụng:

Xét thấy, đây là vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, do nguyên đơn bà Lý Thị X thực hiện quyền khởi kiện. Vì bị đơn bà Lương Thị T, ông Nguyễn Đức K trú tại thôn A, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 203 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

[2]. Về thủ tục xét xử vắng mặt:

Bị đơn bà Lương Thị T và ông Nguyễn Đức K đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập để trình bày ý kiến, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông K

Bà T có bản tự khai, ông K không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng là vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ. Tòa án căn cứ vào tài liệu chứng cứ mà đương sự đã giao nộp và Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật tố tụng dân sự

[3]. Về yêu cầu của nguyên đơn:

* Về số tiền nợ gốc:

Bà X yêu cầu bà Lương Thị T, ông Nguyễn Đức K trả số tiền vay gốc 50.000.000 đồng theo hợp đồng vay tiền ngày 01/3/2021, được ký kết tại Văn phòng công chứng Nguyễn Hợp, thời hạn trả nợ là 01 tháng vào ngày 01/3/2021. Nhưng đến thời hạn trả nợ mà bà T, ông K không trả nên bà X khởi kiện yêu cầu bà T, ông K phải trả số tiền vay 50.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị X buộc bà Lương Thị T và Nguyễn Đức K có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng là có căn cứ, bởi vì: Căn cứ vào hợp đồng vay tiền ngày 01/3/2021 thì xác định bà Lương Thị T, ông Nguyễn Đức K có vay của bà Lý Thị X số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tháng. Do bà T, ông K vi phạm thời hạn trả nợ nên yêu cầu của bà X được chấp nhận.

Việc bà T khai là có thỏa thuận với bà P về việc bà đứng ra trả số tiền 50.000.000 đ mà bà X còn nợ, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, bà T không cung cấp cho Tòa án chứng cứ về việc trả nợ số tiền này. Mặt khác, tại phiên tòa bà X không thừa nhận việc nợ bà P như bà T trình bày, nên không có căn cứ chấp nhận cho lời trình bày của bà T đối với số tiền trả 50.000.000 đồng cho bà Phương.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Đức K, bà Lương Thị T phải nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 157; Điều 158; khoản 1 Điều 96; khoản 2 Điều 227; Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự 2015

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lý Thị X

Buộc bà Lương Thị T, ông Nguyễn Đức K phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lý Thị X số tiền vay gốc 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Lương Thị T, ông Nguyễn Đức K phải nộp 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*); Trả lại cho Lý Thị X số tiền tạm ứng án phí 1.250.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007618 ngày 06 tháng 5 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

3. Án xử sơ thẩm nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H. Bù Gia Mập;
- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS H. Bù Gia Mập;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

NGUYỄN THỊ TUYẾT